

Phụ lục:

KHUNG KẾ HOẠCH CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. BẢO TỒN VOI HOANG DÃ		
Nhiệm vụ/Giải pháp	Thời gian	Kết quả dự kiến
Nhiệm vụ 01: Nâng cao hiểu biết về voi hoang dã, cụ thể: Hiểu rõ hơn về đặc điểm hình thái, cấu trúc đàn, hành vi và sức khỏe từng cá thể, xu hướng di chuyển, hành lang di chuyển,... thông qua việc giám sát voi bằng bẫy ảnh; hoặc phân tích DNA từ mẫu phân.		
GP/HĐ 01: Giám sát voi bằng bẫy ảnh	2025-2035	Hiểu biết về cấu trúc quần thể, số lượng, đực/cái và sức khỏe; mối đe dọa của loài, ... dự đoán được xu hướng phục hồi ngoài tự nhiên của quần thể voi
GP/HĐ 02: Tăng cường hiểu biết về voi thông qua phân tích DNA từ mẫu phân voi	2026-2028	Xác định được rõ về số lượng quần thể voi hoang dã/hành lang di chuyển (Báo cáo).
Nhiệm vụ 02: Ngăn chặn các mối đe dọa đến sự suy giảm voi hoang dã, cụ thể: Tăng cường tuần tra kiểm soát, loại bỏ các mối đe dọa đối với sự tồn tại của voi; Thực hiện các hoạt động cứu hộ và tái thả voi hoang dã vào môi trường tự nhiên; Thực hiện các biện pháp để ngăn chặn hành vi như săn bắn, xâm hại,... dẫn đến suy giảm cá thể, quần thể voi hoang dã.		
GP/HĐ 03: Tăng cường tuần tra bảo vệ voi và sinh cảnh voi, thu gom bẫy, ngăn chặn các hoạt động săn trộm hoặc giết/làm voi bị thương	2025-2035	Giảm thiểu tối đa các mối đe dọa sự tồn tại của voi (các báo cáo liên quan hàng năm về công tác tuần tra, số lượng bẫy...)
GP/HĐ 04: Xây dựng Quy trình cứu hộ, điều trị, tái thả voi hoang dã	2025-2030	Quy trình cứu hộ, điều trị, tái thả voi hoang dã được thông qua và phát hành rộng rãi để áp dụng

<i>a. Rà soát việc cứu hộ, điều trị và tái thả voi hoang dã ở Việt Nam; so sánh với các quy trình của các quốc gia khác đang áp dụng thành công</i>	2025	Báo cáo rà soát quy trình thực tế cứu hộ, điều trị và tái thả voi hoang dã.
<i>b. Tham vấn chuyên gia; xây dựng quy trình và thử nghiệm (đề xuất cho giai đoạn tiếp theo)</i>	2025- 2029	1. Báo cáo tham vấn chuyên gia; 2. Quy trình thử nghiệm cứu hộ, điều trị và tái thả voi hoang dã; 3. Báo cáo kết quả thử nghiệm quy trình.
<i>c. Hoàn thiện quy trình cứu hộ, điều trị và tái thả voi hoang dã (đề xuất cho giai đoạn tiếp theo)</i>	2029	Quy trình cứu hộ, điều trị và tái thả voi hoang dã được điều chỉnh và hoàn thiện
<i>d. Trình cấp TƯ xem xét công bố, ban hành và áp dụng trên toàn quốc (đề xuất cho giai đoạn tiếp theo)</i>	2030	Quy trình cứu hộ, điều trị và tái thả voi hoang dã được công bố
GP/HĐ 05: Phối hợp với các cơ quan chức năng xác định nguyên nhân những cá thể voi chết (khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi...)	2025-2030	Các giải pháp phù hợp ngăn chặn tình trạng voi chết
<i>a. Xây dựng quy trình xác định nguyên nhân voi chết</i>	2025- 2026	Quy trình thử nghiệm được thông qua (bao gồm quy trình lấy mẫu xét nghiệm, thủ tục cấp phép, chi phí, nguồn lực,...)
<i>b. Nâng cao năng lực cho 1-3 cán bộ thú y về kỹ thuật khám nghiệm tử thi voi</i>	2025- 2028	1-3 cán bộ thú y được đào tạo chuyên sâu về các kỹ thuật liên quan và phải được giao triển khai xác định nguyên nhân voi chết.
<i>c. Tham gia xác định nguyên nhân voi chết trên phạm vi toàn quốc (đề xuất cho giai đoạn tiếp theo)</i>	2025- 2030	Báo cáo xác định nguyên nhân voi chết trình địa phương liên quan, Cục LN và Cơ quan Thẩm quyền Quản lý CITES để thực hiện nghĩa vụ cơ quan thành viên CITES.
<i>d. Đề xuất các giải pháp hạn chế rủi ro voi chết</i>	2030	Danh sách các giải pháp hạn chế rủi ro voi chết.

Nhiệm vụ 03: Duy trì và phát triển quần thể voi bằng việc xác định và thực hiện các biện pháp duy trì sự tồn tại của các đàn voi hiện có và nếu có thể áp dụng các biện pháp phát triển quần thể, cá thể.		
GP/HĐ 06: Xây dựng và thực hiện các giải pháp duy trì và phát triển quần thể dựa trên kết quả khoa học	2025 - 2035	Các quần thể voi được duy trì và/hoặc phát triển về số lượng
<i>a. Xác định các biện pháp hỗ trợ bảo tồn phù hợp (chuyển vị cá thể, kết nối các đàn voi bị phân mảnh, ...), đáp ứng với nhu cầu đặc thù của từng tỉnh về duy trì và phát triển đàn dựa trên dữ liệu khoa học của các hoạt động giám sát</i>	2025- 2026	1. Danh mục các biện pháp hỗ trợ bảo tồn; 2. Báo cáo đánh giá tiềm khả thi cho các biện pháp đề xuất.
<i>b. Các hội nghị tham vấn kỹ thuật về các giải pháp trong và ngoài nước</i>		Khuyến nghị của giới chuyên môn và quản lý nhà nước về các biện pháp được đề xuất
<i>c. Thử nghiệm các biện pháp được khuyến nghị phù hợp</i>	2026- 2029	1. Biện pháp hỗ trợ bảo tồn được triển khai; 2. Báo cáo quá trình thử nghiệm các biện pháp hỗ trợ bảo tồn.
<i>d. Đánh giá việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ bảo tồn</i>	2030	Báo cáo đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ bảo tồn được thử nghiệm.
<i>e. Tiếp tục thử nghiệm hoặc dừng hoặc điều chỉnh các biện pháp hỗ trợ bảo tồn</i>	2031- 2035	Các quyết định điều chỉnh được ban hành.
GP/HĐ 07: Xây dựng cơ chế chính sách về nghĩa vụ, quyền hạn và cơ chế khuyến khích cán bộ làm công tác bảo tồn voi	2025 - 2030	Làm rõ nghĩa vụ, quyền hạn và xây dựng cơ chế khuyến khích cán bộ làm công tác bảo tồn voi
<i>a. Rà soát chức năng, nhiệm vụ của cán bộ làm công tác bảo tồn voi; đưa hoạt động giám sát voi, sinh cảnh và xung đột voi - người thành nhiệm vụ của họ</i>	2025 - 2026	Báo cáo rà soát chính sách liên quan đến chức năng nhiệm vụ và quyền lợi của kiểm lâm và cán bộ làm công tác bảo tồn voi.

<i>b. Xây dựng và thử nghiệm các cơ chế khuyến khích kiểm lâm và cán bộ liên quan tích cực làm công tác bảo tồn voi</i>	2026 - 2028	1. Dự thảo cơ chế khuyến khích sự tham gia của kiểm lâm và cán bộ làm công tác bảo tồn voi; 2. Báo cáo đánh giá việc thử nghiệm các cơ chế khuyến khích kiểm lâm và cán bộ liên quan làm công tác bảo tồn voi.
<i>c. Đánh giá và đề xuất điều chỉnh cơ chế chính sách về nghĩa vụ, quyền hạn, cơ chế khuyến khích kiểm lâm và cán bộ làm công tác bảo tồn voi</i>	2028 - 2030	Báo cáo đề xuất điều chỉnh cơ chế chính sách về nghĩa vụ, quyền hạn, Cơ chế khuyến khích kiểm lâm và cán bộ làm công tác bảo tồn voi.
Nhiệm vụ 04: Cải thiện môi trường sống của voi hoang dã, cụ thể: Ngăn chặn các hành động xâm hại, phá hoại vùng sinh cảnh của voi; Thực hiện các biện pháp nhằm cải thiện chất lượng sinh cảnh sống cho voi; Xác định và mở rộng diện tích sinh cảnh dựa trên bằng chứng khoa học về diện tích voi sử dụng.		
GP/HĐ 08: Xác định vùng phân bố voi bằng dữ liệu tuần tra SMART	2025 - 2035	Bản đồ phân bố voi từ dữ liệu tổng hợp tuần tra SMART
<i>Thực hiện xác định vùng sống và hành lang di chuyển của các quần thể voi hoang dã thông qua phân tích dữ liệu từ việc quản tra SMART</i>	2025 - 2035	
GP/HĐ 09: Phối hợp với các bên liên quan để ngăn chặn xâm hại, phá hoại vùng sinh cảnh	2025 - 2035	Vùng sinh cảnh được bảo vệ
<i>Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp/kết hợp với các chủ rừng trong việc bảo vệ voi và đảm bảo sinh cảnh cho voi hoang dã trong hành lang di chuyển và khu phân bố của voi</i>	2025- 2035	Kế hoạch tuần tra và giám sát chung.
GP/HĐ 10: Cải tạo chất lượng sinh cảnh sống cho voi	2025 - 2035	Các khu vực voi sử dụng được bổ sung thức ăn, nước, muối, khoáng...

<i>a. Rà soát, phân tích và xác định các yếu tố và khu vực cần cải thiện chất lượng</i>	2025- 2035	Báo cáo phân tích bao gồm các bằng chứng thuyết minh cho việc đề xuất những yếu tố và khu vực cần cải thiện/bổ sung.
<i>b. Trồng cỏ hoặc trồng cây thức ăn</i>		1. Sinh cảnh được cải thiện và đóng góp tích cực cho sự tồn tại, phát triển của quần thể voi trong khu vực; 2. Báo cáo định kỳ về hiệu quả của việc cải thiện sinh cảnh (bằng chứng cho thấy voi sử dụng những yếu tố được cải thiện).
<i>c. Bổ sung muối khoáng</i>		
<i>d. Cải tạo hồ nước</i>		
GP/HĐ 11: Xây dựng và/hoặc bổ sung nội dung bảo tồn voi vào các biên bản ghi nhớ (MOU); nghiên cứu khả năng kết nối vùng sinh cảnh giữa các tỉnh giáp biên	2025 - 2035	Hợp tác liên biên giới về bảo tồn voi được tăng cường, đóng góp tích cực vào sự phục hồi và phát triển voi của các nước liên quan
<i>a. Xây dựng và bổ sung nội dung bảo tồn voi vào các biên bản ghi nhớ giữa tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Mondulakiri (Cam pu chia)</i>	2025- 2030	Phối hợp bảo tồn voi trở thành nội dung ưu tiên trong các Biên bản ghi nhớ/thỏa thuận (MOU/MOA) về hợp tác giữa các tỉnh giáp biên.
<i>b. Nghiên cứu khả năng kết nối vùng sinh cảnh liên biên giới giữa tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Mondulakiri (Cam pu chia)</i>	2030-2035	Báo cáo kỹ thuật về khả năng kết nối các vùng sinh cảnh voi liên biên giới.
Nhiệm vụ 05: Giảm thiểu xung đột voi - người hướng tới mục tiêu thúc đẩy chung sống hài hòa, cụ thể: Nâng cao hiểu biết về xung đột voi - người và các nguyên nhân dẫn đến xung đột bằng việc giám sát xung đột voi - người; Ngăn chặn và giảm thiểu xung đột voi - người thông qua các biện pháp đảm bảo an toàn cho cả người và voi đồng thời hạn chế các thiệt hại do xung đột voi - người gây ra; thí điểm đeo vòng cổ GPS; Tăng cường hỗ trợ ứng phó theo hướng đảm bảo an toàn cho cả voi và người, giảm thiểu xung đột; Xây dựng cơ chế/chính sách hỗ trợ thiệt hại do xung đột voi - người; Phát triển sinh kế phù hợp cho người dân/cộng đồng trong khu vực có xung đột voi - người nhằm hạn chế các tác động không mong muốn cho voi trên địa bàn.		

GP/HĐ 12: Xác định vùng sống, hành lang di chuyển của voi bằng phương pháp đeo vòng cổ cho voi (Thí điểm đeo vòng cổ định vị GPS)	2025-2035	Theo dõi vùng sống, phạm vi di chuyển và dự báo sớm khu vực voi sẽ tiếp cận, giảm xung đột voi/người
<i>a. Thí điểm thực hiện đeo vòng cổ cho voi giai đoạn 1</i>	2025-2026	1. Báo cáo tiền khả thi (bao gồm cơ sở pháp lý) của sáng kiến đeo vòng cổ cho voi; 2. Báo cáo tham vấn các bên liên quan; 3. Báo cáo phương án đeo vòng cổ trong đó có danh mục các công việc, quản lý rủi ro, quyết định phê duyệt của các cơ quan quản lý; 4. Danh sách chuyên gia trong và ngoài nước tham gia thực hiện sáng kiến; 5. Danh mục trang thiết bị được phép sử dụng trong quá trình triển khai; 6. Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện.
<i>b. Đánh giá việc thí điểm đeo vòng cổ</i>	2027-2028	Báo cáo chia sẻ bài học kinh nghiệm của cơ quan quản lý hoặc đơn vị thực hiện sáng kiến
<i>c. Tiếp tục, dừng hoặc điều chỉnh việc đeo vòng cổ</i>	2028-2035	Quyết định của UBND tỉnh tiếp tục, dừng hoặc điều chỉnh hoạt động đeo vòng cổ.
GP/HĐ 13: Tăng cường hiểu biết về nguyên nhân, mức độ, tần suất và khu vực xung đột voi - người thông qua việc giám sát xung đột voi - người	2025 - 2035	Có đủ thông tin về mức độ, tần suất và các yếu tố liên quan đến xung đột voi - người; khả năng dự báo xung đột và xây dựng các giải pháp ứng phó phù hợp.
<i>a. Rà soát điều chỉnh các mẫu biểu và thực hiện việc giám sát xung đột voi - người giai đoạn 1</i>	2025	1. Bộ câu hỏi liên quan đến việc ghi chép dữ liệu về các vụ xung đột voi - người; 2. Báo cáo tình hình xung đột voi - người đến 2025, đề xuất giải pháp tháo gỡ; 3. Bản đồ hóa khu vực và mức độ xung đột.
<i>b. Tổ chức hội nghị tham vấn, chia sẻ kinh nghiệm quốc gia về quản lý xung đột voi - người</i>	2026	1. Hội nghị tham vấn được tổ chức; 2. Báo cáo tình trạng xung đột voi - người ở các tỉnh và toàn quốc; 3. Đề xuất quản lý xung đột voi - người cho giai đoạn tiếp theo.
<i>c. Xác định, thử nghiệm các giải pháp giảm thiểu xung đột voi - người</i>	2026- 2035	1. Danh sách đề xuất các giải pháp; 2. Tổ chức thử nghiệm các giải pháp; 3. Báo cáo tiến độ định kỳ và báo cáo đánh giá của các giải pháp được thử nghiệm.

<i>d. Thực hiện chia sẻ báo cáo đều đặn nhằm chia sẻ bài học kinh nghiệm của các tỉnh</i>	2026- 2035	Báo cáo tiến độ định kỳ và báo cáo đánh giá của các giải pháp được thử nghiệm được chia sẻ với các tỉnh có voi phân bố và các bên liên quan.
GP/HĐ 14: Duy trì hoạt động của các tổ/đội phản ứng nhanh	2025 - 2035	Hoạt động của các tổ/đội phản ứng nhanh đóng góp tích cực vào công tác quản lý xung đột voi - người
<i>Duy trì hoạt động của các tổ/đội phản ứng nhanh</i>	2025 - 2035	Tổ/đội phản ứng nhanh hoạt động thường xuyên liên tục
GP/HĐ 15: Xây dựng cơ chế chính sách về hỗ trợ thiệt hại do xung đột voi - người		Cơ chế hỗ trợ thiệt hại do xung đột voi - người được pháp quy hóa và áp dụng trên toàn quốc
<i>Rà soát và khảo sát thực tế việc áp dụng cơ chế hỗ trợ người dân bị thiệt hại do xung đột voi - người hiện nay</i>	2012- 2025	Báo cáo đánh giá việc vận dụng chính sách của tỉnh Đắk Lắk trong hỗ trợ người dân bị thiệt hại do xung đột voi - người.
Nhiệm vụ 06: Nâng cao năng lực cho các bên liên quan, cụ thể: Đào tạo, tập huấn cho cán bộ và người dân với các chủ đề liên quan đến bảo tồn voi, quản lý xung đột voi - người, nguyên tắc an toàn khi gặp voi,...; Tăng cường năng lực về giám sát voi bằng ảnh, giám sát xung đột voi - người,... cho cán bộ liên quan đến công tác bảo tồn voi; Tham gia các diễn đàn/mạng lưới chuyên môn như Nhóm chuyên gia về voi châu Á, Mạng lưới chung sống hài hòa giữa người và động vật hoang dã,...; Tăng cường năng lực thông qua hợp tác quốc tế, hợp tác liên biên giới với Cam-pu-chia; Nâng cao năng lực nội tại để nghiên cứu bảo tồn và phát triển voi; Cải thiện điều kiện làm việc cho lực lượng bảo tồn voi tại địa phương nhằm khuyến khích sự tham gia của cán bộ địa bàn trong nỗ lực bảo tồn voi; Xây dựng cơ chế hỗ trợ cho cán bộ làm công tác bảo tồn voi; Xác định cơ chế hợp tác và phối hợp cần thiết giữa các lực lượng liên quan trực tiếp và gián tiếp đến công tác bảo tồn voi.		
GP/HĐ 16: Tổ chức các lớp đào tạo về xung đột voi - người, hướng tới chung sống hài hòa	2025 - 2035	Người dân và các bên liên quan thay đổi nhận thức về xung đột voi - người, có kiến thức ứng phó xung đột phù hợp
<i>a. Đào tạo lực lượng ứng phó xung đột voi người liên quan (trừ tổ/đội phản ứng nhanh)</i>	2025- 2035	1. Các hội thảo/khóa đào tạo được tổ chức; 2. Các nhóm đối tượng hướng tới được cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết về bảo tồn voi và xung đột voi - người.

<i>b. Tổ chức việc đào tạo cộng đồng và chủ rừng</i>		
GP/HĐ 17: Tổ chức các sự kiện truyền thông	2025-2035	Thông điệp và kiến thức đúng về bảo tồn voi được xây dựng và truyền tải tới đúng đối tượng truyền thông hướng tới
<i>a. Truyền thông nâng cao nhận thức đến người dân về xung đột voi người, ứng phó với xung đột voi người</i>	2025 - 2035	Cộng đồng/người dân liên quan được trang bị kiến thức về bảo tồn voi, xung đột voi - người và ứng phó xung đột voi - người.
<i>b. Xây dựng và thực hiện chiến lược truyền thông hướng tới chung sống hài hòa với voi</i>	2025- 2035	Chiến lược truyền thông hướng tới chung sống hài hòa với voi được xây dựng và thực hiện.
GP/HĐ 18: Nâng cao năng lực cho các đối tượng trực tiếp liên quan đến công tác bảo tồn voi	2025 - 2035	Cán bộ liên quan được trang bị đúng kiến thức, đủ kỹ năng thực hiện và xử lý những vấn đề liên quan đến bảo tồn voi.
<i>Đào tạo, tập huấn cho lực lượng trực tiếp làm công tác bảo tồn voi (trong nước hoặc nước ngoài)</i>	2025- 2035	Lực lượng trực tiếp làm công tác bảo tồn voi được trang bị các kiến thức/kỹ thuật cần thiết như quản lý xung đột voi - người, kỹ năng truyền thông,...thông qua các chương trình/hội nghị/tập huấn trong và ngoài nước
GP/HĐ 19: Cơ chế hợp tác giữa các cơ quan liên quan (Kiểm lâm, bộ đội biên phòng, công an, chính quyền địa phương, chủ rừng)	2025 - 2035	Cơ chế phối hợp được xác lập tạo điều kiện cho việc thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn voi
<i>Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp</i>	2025- 2035	Cơ chế phối hợp được thành lập và thực hiện
GP/HĐ 20: Mạng lưới kỹ thuật của nhóm thực thi và nghiên cứu (TU điều phối và tổ chức)	2025 - 2035	Mạng lưới kỹ thuật được thành lập, hỗ trợ hiệu quả cho các cán bộ triển khai hoạt động bảo tồn voi

<i>a. Thành lập mạng lưới nghiên cứu/triển khai công tác bảo tồn voi</i>	2025 - 2035	Thành lập: 1. Mạng lưới các nhà nghiên cứu voi và bảo tồn voi; 2. Mạng lưới các nhân viên kỹ thuật triển khai công tác bảo tồn voi tại hiện trường.
<i>b. Duy trì hoạt động (cơ chế chia sẻ, trao đổi thông tin; hội họp,...)</i>		1. Các thành viên mạng lưới tích cực tham gia; 2. Các mạng lưới cung cấp kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm thực tế về bảo tồn voi tại Việt Nam; 3. Tổ chức họp luân phiên trực tiếp định kỳ tại các địa phương có voi phân bố.
GP/HĐ 21: Vận động các nhà khoa học, đơn vị nghiên cứu triển khai các đề tài nghiên cứu /ứng dụng về bảo tồn voi hoang dã	2025 - 2035	Một số nghiên cứu chuyên sâu về voi và bảo tồn voi được triển khai thực hiện ở hiện trường
<i>Vận động các khối khoa học tham gia</i>		Ít nhất 01 đề tài nghiên cứu được triển khai
Nhiệm vụ 07: Nâng cao nhận thức về bảo tồn voi, cụ thể: Triển khai các hoạt động truyền thông để nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của các nhóm liên quan đến bảo tồn voi; Truyền thông và xuất bản ấn phẩm nhằm tăng cường hiểu biết cho công chúng về nỗ lực bảo tồn voi, tầm quan trọng của việc bảo tồn loài nguy cấp quý hiếm đặc biệt là voi và cam kết của công chúng trong công tác bảo tồn voi.		
GP/HĐ 22: Xây dựng, điều phối và thực hiện các các hoạt động truyền thông cấp TƯ hoặc địa phương	2025 - 2035	Một chiến lược truyền thông cấp TƯ và địa phương được xây dựng với sự đồng thuận cao từ các bên liên quan. Các hoạt động truyền thông đóng góp tích cực vào công tác nâng cao nhận thức bảo tồn voi, thay đổi hành vi của các đối tượng liên quan với loài voi và công tác bảo tồn voi.
<i>a. Các hoạt động truyền thông thường niên cấp quốc gia (Tuần lễ bảo tồn voi hưởng ứng ngày voi thế giới 12/08 hoặc các sự kiện khác)</i>		Tuần lễ bảo tồn voi được tổ chức hàng năm
<i>b. Hội nghị/hội thảo quốc tế và khu vực về công tác bảo tồn voi tại Việt Nam; hội nghị đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ điều chỉnh các hoạt động trong VECAP 2022</i>	2025 - 2035	Các hội nghị hội thảo được tổ chức thành công; các tài liệu phát hành rộng rãi và đóng góp vào công tác nâng cao nhận thức bảo tồn voi

GP/HĐ 23: Triển khai các hoạt động truyền thông để nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của các nhóm liên quan đến bảo tồn voi	2025 - 2035	Cộng đồng địa phương và công chúng hiểu được tầm quan trọng của công tác bảo tồn voi và có những hành vi tích cực chung tay bảo tồn voi với các cơ quan chức năng và quản lý bảo tồn phát triển
<i>Cục Lâm nghiệp và các tỉnh có voi phân bố phối hợp triển khai</i>		
GP/HĐ 24: Truyền thông và xuất bản ấn phẩm nhằm tăng cường hiểu biết cho công chúng về nỗ lực bảo tồn voi, tầm quan trọng của việc bảo tồn loài nguy cấp quý hiếm và cam kết của công chúng trong công tác bảo tồn voi.	2025 - 2035	Một bộ tài liệu truyền thông về voi, xung đột voi người, nỗ lực bảo tồn voi tại Việt Nam được xây dựng và phát triển. Các tài liệu truyền thông được phối hợp xây dựng và sử dụng trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
<i>Cục Lâm nghiệp và các tỉnh có voi phân bố phối hợp triển khai</i>		
II. BẢO TỒN VOI NUÔI NHỐT		
Nhiệm vụ/Giải pháp	Thời gian	Kết quả dự kiến
Nhiệm vụ 01: Tăng cường phúc lợi cho voi nuôi nhốt		
GP/HĐ 01: Xây dựng Hướng dẫn về phúc lợi (các yếu tố phù hợp về phúc lợi) cho voi nuôi nhốt làm tiền đề xây dựng Quy chuẩn/tiêu chuẩn về phúc lợi cho voi nuôi nhốt	2025	Tiêu chuẩn về phúc lợi áp dụng cho voi nuôi nhốt
GP/HĐ 02: Thí điểm áp dụng Hướng dẫn về Phúc lợi voi tại tỉnh Đắk Lắk	2026 - 2027	Áp dụng tiêu chuẩn về phúc lợi Voi nuôi nhốt tại Trung tâm Bảo tồn voi và một số voi tham gia mô hình du lịch voi thân thiện

GP/HĐ 03: Dựa trên kết quả thí điểm, vận động áp dụng hướng dẫn như tiêu chuẩn cho voi nuôi nhốt	2028	Toàn bộ voi nuôi nhốt tại Đắk Lắk được áp dụng tiêu chuẩn về phúc lợi
GP/HĐ 04: Khám sức khỏe định khỏe định kỳ 6 tháng/ lần cho voi nuôi nhốt tại tỉnh Đắk Lắk	2025 - 2035	1. Đánh giá được thể trạng/tình trạng sức khỏe của mỗi voi 2. Các trường hợp voi bệnh được phát hiện kịp thời và được điều trị 3. Ngăn ngừa các bệnh có thể xảy ra đối với voi
GP/HĐ 05: Dự phòng chăm sóc sức khỏe đột xuất cho các trường hợp voi ốm/bệnh trong và ngoài tỉnh	2025 - 2035	Tất cả các cá thể voi bị bệnh, có vấn đề về sức khỏe đều được khám, điều trị kịp thời bằng phương pháp hiện đại
Nhiệm vụ 02: Cải thiện môi trường sống cho voi nuôi nhốt		
GP/HĐ 06: Hàng năm duy trì, bảo dưỡng, vận hành các công trình phục vụ bảo tồn voi (hàng rào điện và các công trình kèm theo)	2025 - 2035	Hàng rào điện và nhà chăm sóc voi luôn hoạt động hiệu quả
GP/HĐ 07: Hàng năm trồng cây thức ăn bổ sung cho voi tại huyện Lắk và huyện Buôn Đôn để đảm bảo cung cấp đầy đủ thức ăn cho voi nuôi nhốt	2025 - 2035	Đàn voi được cung cấp đầy đủ lượng thức ăn, dinh dưỡng, nâng cao sức khỏe về thể chất
GP/HĐ 08: Xây dựng 02 mô hình hợp tác liên kết trong việc phát triển vùng sinh cảnh kết hợp phát triển du lịch thân thiện với voi tại huyện Buôn Đôn và huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	2025 - 2035	1. Khu sinh cảnh bán hoang dã được xác lập, có sinh cảnh phù hợp voi voi thuần dưỡng 2. Điểm mẫu du lịch dựa vào voi theo mô hình du lịch thân thiện được hình thành 3. Các chủ voi, nài voi có việc làm
GP/HĐ 09: Đầu tư xây dựng công trình hàng rào, nhà chăm sóc voi và đường nội bộ của cụm công trình chăm sóc cứu hộ voi (giai đoạn 2)	2025 - 2030	Hoàn thành xây dựng công trình hàng rào, nhà chăm sóc voi và đường nội bộ của cụm công trình chăm sóc cứu hộ voi giai đoạn 2

GP/HĐ 10: Mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng đảm bảo để cứu hộ, thăm khám sức khỏe, sinh sản cho voi (01 máy chụp X-Quang lưu động, 01 xe bán tải để chở người và thiết bị thăm khám, điều trị lưu động trong và ngoài tỉnh, 01 xe cần cẩu để cứu hộ vận chuyển voi)	2025 - 2026	1. Có đủ máy móc, thiết bị, phương tiện để đảm bảo phục vụ công tác cứu hộ, chăm sóc sức khỏe, sinh sản cho voi 2. Kịp thời cứu hộ, chẩn đoán chính xác, điều trị hiệu quả.
Nhiệm vụ 03: Bảo tồn và phát triển quần thể voi nuôi nhốt hướng tới mục tiêu bảo tồn voi hoang dã		
GP/HĐ 11: Từ năm 2024 đến năm 2025 xác định những cá thể voi tại Đăk Lăk còn khả năng sinh sản.	2024 - 2025	Xác định được những cá thể voi cái còn khả năng sinh sản để thực hiện chương trình sinh sản
GP/HĐ 12: Tổ chức 01 hội thảo quốc tế để tham vấn chuyên gia xây dựng chương trình sinh sản cho voi nuôi nhốt tại Đăk Lăk vào năm 2026	2026	Kết quả của hội thảo sẽ là cơ sở khoa học cho các giải pháp hướng tới chương trình sinh sản để bảo tồn và phát triển voi thuần dưỡng tại Đăk Lăk
GP/HĐ 13: Thí điểm thực hiện chương trình sinh sản trên 05 cá thể từ năm 2024-2028	2024 - 2028	1. Chủ và nài voi được hỗ trợ kinh phí trong thời gian voi ngừng làm việc để giao phối, mang thai và nuôi con nhỏ. 2. Những cá thể voi thực hiện chương trình sinh sản sẽ mang thai, sinh sản để bảo tồn nguồn gen
GP/HĐ 14: Từ năm 2024 đến năm 2027 tìm hiểu và tham gia thực hiện các Chương trình trao đổi/cho thuê voi (04 cá thể voi cái trong độ tuổi sinh sản tốt nhất) từ quốc tế và khu vực đưa về Đăk Lăk để nhân giống phát triển voi nuôi nhốt vì mục đích bảo tồn.	2024 - 2035	Được là thành viên của nhóm chương trình trao đổi voi (Hiệp hội các vườn thú Việt Nam và khu vực)

GP/HĐ 15: Sử dụng voi nhà để thu thập dữ liệu, hỗ trợ cứu hộ voi hoang dã	2025 - 2035	Đảm bảo an toàn cho người tham gia vào các hoạt động trực tiếp với voi hoang dã
Nhiệm vụ 04: Nâng cao năng lực chăm sóc voi và du lịch thân thiện với voi		
GP/HĐ 16: Hàng năm cử 05 cán bộ, bác sĩ thú y tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, hội thảo, tập huấn chuyên môn về thú y, dinh dưỡng và sinh sản cho voi ở nước ngoài	2025 - 2035	Các bác sĩ thú y được nâng cao trình độ chuyên môn trong công tác chăm sóc, điều trị, sinh sản cho voi nuôi nhốt
GP/HĐ 17: Hàng năm tổ chức 4 hội thảo/2 địa điểm tại Đắk Lắk về chăm sóc sức khỏe voi theo từng chủ đề riêng biệt như chế độ ăn, chăm sóc vệ sinh, ...	2025 - 2035	Nâng cao phúc lợi cho voi, các chủ voi biết được kỹ thuật mới áp dụng cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng voi tốt nhất
GP/HĐ 18: Học tập kinh nghiệm quốc tế (Lào, Cam-puchia, Thái Lan...) về các mô hình du lịch thân thiện với voi	2025 - 2026	Áp dụng, thực hiện tốt hơn cho mô hình du lịch thân thiện với voi tại Đắk Lắk
GP/HĐ 19: Đào tạo sử dụng máy móc, trang thiết bị chuyên môn (máy xét nghiệm, máy siêu âm, X-quang...)	2025 - 2026	Cán bộ chuyên môn biết cách sử dụng máy móc, thiết bị; phân tích các chỉ tiêu sinh lý máu, đọc kết quả bằng chuẩn đoán hình ảnh qua máy siêu âm, máy chụp X-Quang, kính hiển vi, máy xét nghiệm..
GP/HĐ 20: Cứu hộ voi nuôi nhốt trong và ngoài tỉnh khi được yêu cầu (bao gồm cả cứu hộ những cá thể voi chủ nuôi từ chối)	2025 - 2035	Voi nuôi nhốt trong phạm vi cả nước được cứu hộ khi được yêu cầu

GP/HĐ 21: Thành lập đội cơ động phản ứng nhanh để thực hiện chức năng cứu hộ và chăm sóc thú y khẩn cấp cho voi nuôi nhốt trên phạm vi cả nước	2025 - 2035	Tất cả các trường hợp voi gặp nạn hoặc bị bệnh đều được cứu hộ, chăm sóc thú y kịp thời
<i>Ghi chú: Những nhiệm vụ, hoạt động trên có sự phối hợp thực hiện từ các tổ chức Phi chính phủ, Trường/viện/đơn vị nghiên cứu, Vườn quốc gia Yok Don, chuyên gia về voi trong và ngoài nước, các chủ rừng và cộng đồng địa phương nơi có voi sinh sống di chuyển, các chủ voi và nài voi; các cơ quan chức năng có liên quan và Dự án của Cục Lâm nghiệp về bảo tồn voi.</i>		